

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HS-ST
Ngày: 08-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng;
2. Ông Lục Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HS ngày 24/5/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1959 và bà Lê Thị L, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú tại: Khóm 5, thị trấn CD, huyện PT, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Nhà trọ QD, khu phố AH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú tại: Ấp T, xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị; tạm trú tại: Nhà trọ Bùi Văn Trực, khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã Lộc Nam, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Nhà trọ Bùi Văn Trực, khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Minh Tân, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú tại: Khóm 4, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Nhà trọ Quốc Dũng, khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

2. Ông Trần Sỹ H3, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú tại: Nhà trọ Bùi Văn Trực, khu phố AH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3. Ông Đoàn Ngọc P, sinh năm 1940; trú tại: Khu vực Lân Thạnh 1, phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt;

4. Ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1976; trú tại: Khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2016, không nghề nghiệp ổn định và sinh sống tại khu phố AH, phường HL. Để có tiền sử dụng ma túy, C nảy sinh ý định tìm xe mô tô của chủ sở hữu để sơ hở xung quanh khu vực gần nhà C và sử dụng cây đoản bằng kim loại (chuẩn bị sẵn) phá khoá trộm cắp xe mô tô. Từ ngày 19/12/2017 đến ngày 08/01/2018, C thực hiện 03 vụ trộm cắp trên địa bàn thị xã Bến Cát, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 19/12/2017, C đi bộ từ nhà của mình đến nhà trọ Phan Thị Hồng (cách nhà C khoảng 80m) phát hiện xe mô tô hiệu Honor, màu đen – xám, biển số 65R1 – 3341 của ông Huỳnh Thanh T dựng trong hành lang trước phòng trọ số 5. C ngồi trên ghế đá trước dãy nhà trọ khoảng 30 phút quan sát xung quanh, thấy không người trông coi và cửa phòng số 5 đóng nên C đi đến chỗ dựng xe (xe không khóa cở), dắt xe ra ngoài đường rồi ngồi lên xe và dùng chân đẩy xe về gần nhà của mình ở gần đó. Tại đây, C tháo dây điện đập nổ máy và điều khiển xe mô tô đến ngã tư Tân Thạnh Đ thuộc huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông tên Dương (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), C lấy 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) mua ma túy của Dương để sử dụng, còn lại 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: Xe mô tô hiệu Honor, màu đen - xám, biển số 65R1 - 3341 trị giá 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 08/01/2018, C đi bộ từ nhà của mình đến nhà trọ Bùi Văn Trực (cách nhà C khoảng 300m) phát hiện xe mô tô hiệu Sirius, màu xanh – bạc, biển số 74F1 – 182.21 của bà Lê Thị H dựng trong hành lang trước phòng trọ số 4, không người trông coi. C đi vào dùng đoản phá khóa

xe mô tô biển số 74F1 – 182.21 nhưng không mở khóa được do đoản bị gãy nên C đi ra ngoài.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: Xe mô tô hiệu Sirius, màu xanh – bạc, biển số 74F1 – 182.21 trị giá 16.800.000đ (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Ngay sau khi thực hiện vụ thứ hai không thành, vào khoảng 11 giờ cùng ngày 08/01/2018, C nhìn thấy xe mô tô hiệu Hundacpi, màu đỏ - xám, biển số 61G1 – 088.22 của bà Lê Thị H2 dựng trong hành lang đối diện phòng trọ số 1, không khóa cổ do ổ khóa bị hư. C dắt xe mô tô biển số 61G1 – 088.22 ra ngoài đường, đạp nổ máy xe điều khiển đến ngã tư Tân Thạnh Đông thuộc huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông tên Dương với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng), C lấy 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) mua ma túy của Dương để sử dụng, còn lại 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 11/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: Xe mô tô hiệu Hundacpi, màu đỏ - xám, biển số 61G1 – 088.22 trị giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 11 giờ ngày 08/01/2018, ông Hân và bà Hậu phát hiện mất xe mô tô biển số 61G1 – 088.22 nên báo cho chủ nhà trọ là ông Bùi Văn Trục mở camera ghi hình xem thì thấy C là người phá khóa xe mô tô biển số 74F1 – 182.21 nhưng không được, rồi C đi ra ngoài nhưng vị trí dựng xe mô tô biển số 61G1 – 088.22 bị khuất tầm nhìn camera nên không thấy gì thêm. Sau đó, ông Hân và bà Hậu đến trình báo Công an phường HL và vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý theo thẩm quyền. Đến ngày 18/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát tiến hành bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn C.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn C chiếm đoạt trong 03 vụ là 22.450.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với xe mô tô biển số 65R1 – 3341 do ông Đoàn Ngọc P đứng tên chủ sở hữu trong giấy đăng ký xe. Tháng 9/2016, ông Phước bán xe cho ông Nguyễn Minh Tân, sau đó ông Tân cho cha vợ là ông Huỳnh Thanh T mượn làm phương tiện đi lại, đến tháng 9/2017 thì ông Tân tặng cho ông Tuấn chiếc xe trên. Việc mua bán, tặng cho xe các bên đều không lập thành văn bản và chưa thực hiện thủ tục sang tên. Ông Tuấn có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.150.000 đồng tương đương với giá trị xe mô tô biển số 65R1 – 3341.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius, màu xanh – bạc, biển số 74F1 – 182.21 do bà Lê Thị H là chủ sở hữu đứng tên trong giấy đăng ký xe. Do bị gãy đoản trong lúc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nên bị cáo để lại và bỏ ra về. Vì vậy, bà Hải không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Đối với xe mô tô biển số 61G1 – 088.22 do ông Hoàng Văn Tr đứng tên chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe. Tháng 8/2011, ông Trà bán xe cho ông Hân (chồng bà Hậu) với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Các bên chưa làm thủ tục sang tên cũng không lập giấy mua bán xe. Ông Hân và bà Hậu đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Đối với cây đoản bằng kim loại do Nguyễn Văn C sử dụng làm công cụ phạm tội, C đã vứt bỏ nên không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKSBC ngày 14/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 14 (mười bốn) tháng đến 16 (mười sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh T số tiền 3.150.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận: Từ ngày 19/12/2017 đến ngày 08/01/2018, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 19/12/2017 tại nhà trọ Phan Thị Hồng thuộc khu phố AH, phường Hoà Lợi, sau khi quan sát xung quanh không có người trông coi, bị cáo đã lén lút đẩy xe mô tô biển số 65R1 - 3341 của ông Huỳnh Thanh T ra ngoài đường rồi dùng chân đẩy xe về nhà mình và tháo dây điện rồi điều khiển xe đến huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người đàn ông tên Dương. Giá trị xe mô tô biển số 65R1 - 3341 mà bị cáo chiếm đoạt của ông Tuấn trị giá 3.150.000 đồng;

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ, ngày 08/01/2018 tại trước phòng trọ số 4, nhà trọ Bùi Văn Trục thuộc khu phố AH, phường Hoà Lợi, bị cáo đã dùng đoản tự chế và bẻ khoá để chiếm đoạt xe mô tô biển số 74F1 - 182.21 của bà Lê Thị H. Tuy nhiên, trong lúc bẻ khoá xe thì đoản bị gãy không mở khoá được nên bị cáo đã không lấy trộm được xe mô tô biển số 74F1 - 182.21. Giá trị xe mô tô biển số 74F1 - 182.21, trị giá 16.800.000 đồng;

Vụ thứ ba: Cùng ngày 08/01/2018, sau khi thực hiện vụ thứ hai không thành, bị cáo thấy xe mô tô biển số 61G1 - 088.22 đang dựng trước phòng trọ số 1, nhà trọ Bùi Văn Trục thuộc khu phố AH, phường Hoà Lợi của bà Lê Thị H2, do ổ khoá xe bị hư nên bị cáo đã dắt xe ra ngoài đường và nổ máy xe điều khiển xe đến huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người đàn ông tên Dương. Xe mô tô biển số 61G1 - 088.22 trị giá 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt qua 03 lần là 22.450.000 đồng (hai mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của các bị hại với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 22.450.000 đồng. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 14/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tham gia thực hiện tất cả 03 lần trộm cắp tài sản của các bị hại và mỗi lần thực hiện đều có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về phạm tội chưa đạt: Ngày 08/01/2018, khi bị cáo dùng cây đoản tự chế để bẻ khoá xe nhằm thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 74F1 - 182.21 của bà Lê Thị H thì đoản bị gãy không mở khoá được nên bị cáo đã không lấy trộm được. Việc bị cáo không lấy trộm được xe mô tô biển số 74F1 - 182.21 là nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[6] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với người tên Dương mà bị cáo khai đã mua xe mô tô do bị cáo trộm cắp mà có nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự. Khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là ông Huỳnh Thanh T có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.150.000 đồng tương đương với giá trị xe mô tô biển số 65R1 - 3341. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 3.150.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Bị hại bà Lê Thị H2 và ông Trần Sỹ H3 là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển số 61G1 - 088.22. Ngày 24/5/2018, ông Hân và bà Hậu có văn bản cùng trình bày ý kiến về việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Xét thấy, việc ông Hân và bà Hậu không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là quyền tự quyết định, định đoạt của ông Hân, bà Hậu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự.

Bị hại Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết vấn đề nào liên quan đến trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honor, màu đen – xám, biển số 65R1 - 3341 và 01 xe mô tô hiệu Hundacpi, màu đỏ - xám, biển số 61G1 – 088.22 bị cáo đã mang đi tiêu thụ và không thu hồi lại được nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius, màu xanh – bạc, biển số 74F1 – 182.21, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và giao trả cho bà Lê Thị H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 cây đoản bằng kim loại là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội hiện không thu giữ được nên không có cơ sở để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị hại Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/01/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 3.150.000 đồng (ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực thi hành và ông Huỳnh Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn C chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng Nguyễn Văn C còn phải thanh toán cho ông Tuấn số tiền lãi bằng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- CA thị xã Bến Cát;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

